

VÀI NÉT VỀ NGHỀ TRỒNG LÚA VÀ MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG Ở VĨNH LONG THỜI KỲ 1954-1975

TRẦN THỊ MỸ HẠNH *

Tỉnh Vĩnh Long nằm ở trung tâm châu thổ đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), là nơi hội tụ phù sa màu mỡ của hai con sông lớn: sông Tiền và sông Hậu. Đây là vùng ít bị lũ lụt, không bị nhiễm mặn, quanh năm khí hậu ôn hoà, rất thích hợp cho phát triển nông nghiệp. Vì vậy vùng đất này đã được lưu dân người Việt khai khẩn từ rất sớm (vào cuối thế kỷ XVII) và với tốc độ nhanh, cho đến khi bị Pháp chiếm mới chậm lại. Vĩnh Long có diện tích trồng lúa lớn nhất so với các địa phương khác của Nam Kỳ: vào năm 1868, diện tích đất trồng lúa của Vĩnh Long là 32.821 ha bằng 12,3% diện tích đất trồng lúa toàn ĐBSCL và bằng 34,4% diện tích đất trồng lúa ở vùng giữa hai con sông Tiền và sông Hậu. Bên cạnh cây lúa ở ĐBSCL nông dân cũng chú trọng đến các loại hoa màu và cây ăn trái nổi tiếng, được ca ngợi là "vườn trái cây của Nam Kỳ".

Từ khi thực dân Pháp chiếm được Nam Bộ, chính quyền thực dân đẩy mạnh chính sách khai thác thuộc địa, chủ yếu là đất đai và tài nguyên. Chúng đẩy mạnh sản xuất lúa gạo để xuất khẩu. Do đó diện tích trồng lúa của Vĩnh Long không ngừng tăng lên. Đến năm 1910 đạt 89.000 ha, như vậy chưa đầy 50 năm mà diện tích đất trồng lúa của Vĩnh Long đã tăng lên trên 2,5 lần so với năm 1868. Từ đó đến năm 1945, diện tích ruộng

đất trồng lúa ở Vĩnh Long hầu như không tăng hoặc tăng không đáng kể vì đất để khai hoang không còn. Tuy diện tích trồng lúa có tăng lên nhưng kỹ thuật canh tác trong suốt thời Pháp thuộc không có sự tiến bộ nào so với trước, vẫn những cái cày, cái bừa... bằng gỗ đã tồn tại từ nhiều thế kỷ trước; Năng suất thấp từ 1-1,5 tấn/ha. Vĩnh Long là tỉnh đạt năng suất cao nhất cũng chỉ ở mức 1,8 tấn/ha.

Từ năm 1954 - 1975, sản xuất nông nghiệp và cây trồng ở Vĩnh Long có nhiều biến đổi so với thời Pháp thuộc: từ sản xuất theo lối cổ truyền chuyển dần sang sản xuất theo kiểu hiện đại. Thời kỳ trước năm 1958 nông dân Vĩnh Long chưa biết nhiều đến máy móc và sử dụng máy móc trong sản xuất nông nghiệp, phần lớn nông dân vẫn sử dụng những dụng cụ thô sơ như cày, bừa, liềm, hái, cuốc, xẻng... trong công việc đồng áng của mình. Việc sản xuất trồng cấy vào sức lực của con người với sự trợ giúp của trâu bò. Người nông dân phải tốn nhiều thời gian và công sức trên mảnh ruộng của mình mà năng suất lại không cao, mỗi năm chỉ cấy được 1 vụ lúa.

Từ năm 1960, máy nông cụ được nhập vào miền Nam với số lượng ngày một tăng. Nhất là từ năm 1965 trở về sau, số nông dân ĐBSCL, trong đó có nông dân Vĩnh Long sử dụng máy móc vào sản xuất nông nghiệp đã trở nên phổ

biến do tự mua sắm hoặc thuê mượn. Máy móc được nông dân Vĩnh Long ưa chuộng sử dụng nhiều là các loại máy cày, máy kéo, máy gặt, máy xay, bình xịt... do Nhật Bản sản xuất, vì nó phù hợp với đặc điểm đồng ruộng của Việt Nam: máy nhỏ, sử dụng đơn giản, giá cả phải chăng, bảo trì ít tốn kém, mẫu mã đẹp. Máy cày, máy xới thay thế sức lực trâu bò và cả con người nữa. Trâu bò chỉ còn dùng để cày bừa tại những thửa ruộng sinh mà thôi. Theo ước lượng của người nông dân thì việc cơ giới hoá có thể làm giảm 50% chi phí dọn đất và cơ năng, người nông dân Vĩnh Long ngày càng thấy được lợi ích của việc dùng máy móc trong sản xuất nông nghiệp nên càng đầu tư vào việc mua sắm nhiều loại máy nông cụ. Theo Báo cáo của Ban Kinh tế tài chính tỉnh Vĩnh Long năm 1973, chỉ riêng vùng giải phóng của huyện Trà Ôn, Vũng Liêm và 2 xã, 1 ấp của huyện Tam Bình vào năm 1973, nông dân đã mua 32 máy cày lớn nhỏ, 113 máy xới lớn nhỏ phục vụ cho việc đồng áng. Còn ở vùng kềm, vùng ven thị xã, thị trấn, các trục giao thông, điều kiện tiếp xúc với khoa học kỹ thuật nhiều hơn, nên việc sử dụng máy nông cụ càng phong phú đa dạng hơn. Một gia đình nông dân làm ruộng hay làm vườn, thuộc tầng lớp trung nông đều có mua sắm máy cày, máy xới, máy bơm nước. Tài liệu về phát triển kinh tế năm 1972-1975 của chính quyền Sài Gòn nhận xét rằng nông dân vùng ĐBSCL cho đến năm 1971 đã rất quen thuộc với nông cụ cơ giới. Và theo lời kể của ông Bùi Văn Tước, Trưởng ngành nông nghiệp quận Bình Minh và ông Trương Ngọc Sanh, cư ngụ tại xã Mỹ Thuận, huyện Bình Minh vào thời kỳ 1969-1975 ở xã Mỹ Thuận, một xã nằm cạnh Quốc lộ 4, giáp với quận lỵ Bình Minh thì hầu như gia đình nào tương đối đủ ăn đều có mua sắm máy cày hoặc máy bơm, bình xịt... Trên 70% nông dân ở Mỹ Thuận đều có mua ít nhất một loại máy nông cụ, đặc biệt là máy "đuôi tôm", một loại máy dùng để gắn vào thuyền "tam bản" hay xuống ghe nhỏ chạy dưới sông. Nhưng khi được cải biến thành máy bơm nước thì lại càng được thông dụng. Công việc chuyển một

máy chạy ghe thành một máy bơm tương đối đơn giản:

- Bộ phận chân vịt được gắn ngược lại

- Làm một ống bơm tròn, đường kính từ 18-20 cm, dài 1,80 - 2,50 m, bằng tôn hoặc nhôm, ống này ráp ngoài một vòng sắt bao cả cây láp lẫn chân vịt của máy bơm.

Khi bơm nước, máy đặt trên bờ, phần dưới của ống bơm với chân vịt được ngâm hẳn vào trong nước ở chỗ thấp. Động cơ chạy, cây láp quay, chân vịt quay luôn sẽ cuốn và hút nước vào ống, đôn lên cho trào ra miệng trên ống, nước này có thể lấy trong hồ chứa hoặc trong mương rạch để chuyển dần dần đến nơi cần tưới.

Biện pháp lấy nước này tiết kiệm cả thời giờ và nhân lực, với máy bơm này, nếu bơm nước vào cho một mẫu ruộng chỉ mất 6 giờ, trong khi đó nếu tát bằng gàu thì cần từ 4-6 người tát trong 2 ngày. Tiền công bơm chỉ có 40 đồng cho mỗi mẫu. Hầu hết nông dân rất hoan nghênh biện pháp lấy nước này.

Ngoài ra, sở dĩ máy đuôi tôm còn được nông dân ưa chuộng vì sau khi bơm nước, người ta vẫn dùng để chạy ghe được; Chỉ cần ráp ngược cái chân vịt lại như cũ và tháo ống bơm ra thì máy bơm sẽ trở lại máy chạy ghe như thường.

Từ khi có máy bơm nước, nông dân chủ động việc tưới tiêu, việc trồng lúa ở Vĩnh Long cũng có sự thay đổi. Trước năm 1958, nông dân Vĩnh Long chỉ cấy 1 vụ lúa (lúa mùa) hơn 6 tháng mới được thu hoạch và phải cấy hai lần. Tháng 5 gico mạ, 1 tháng 20 ngày nhổ cấy, sau một thời gian nhổ cấy lần hai. Lý do là đất ở Vĩnh Long rất màu mỡ, cây lúa phát triển rất nhanh không kịp trở bông hoặc nếu có bông thì hạt bị lép. Để hạn chế sự tăng trưởng nhanh và để trừ cỏ, nông dân có sáng kiến cấy hai lần, nhưng làm như vậy sẽ tốn nhiều công sức và thời gian. Thấy sự bất lợi đó, khoảng năm 1957-1958, ông Trần Văn Sửu đã cấy thử giống lúa tuyển "nàng chol" ở trại An Đức (Châu Thành), giống lúa để thử nghiệm từ cấy hai lần thành cấy một lần. Ông cấy liền 2 mùa, cho năng suất mỗi mẫu 3,6 tấn.

trong khi lúa thường năng suất chỉ 1,2 - 1,6 tấn. Ngoài ưu điểm cho năng suất cao "nàng chol" còn là một giống lúa ngắn ngày, có thể cấy 2 vụ một năm. Thấy ông Trần Văn Sửu thu được nhiều kết quả từ giống lúa "nàng chol", các nông gia Vĩnh Long đã đến ty tức để mua và vay lúa giống của ông. Trong năm 1957-1958, ông Sửu phát ra 31,232 tấn lúa giống "nàng chol" cho 239 nông gia cấy 463 mẫu. Về sau giống lúa này đã lan truyền khắp các xã Tân Hoà, Tân Ngãi, Tân An, An Bình (Châu Thành), xã Hoà Hiệp (Tam Bình), Hiến Phụng, Tân An Lương, Trung Hiếu (Vũng Liêm)...

Từ đó trở đi nông dân Vĩnh Long chuyển sang cấy loại lúa ngắn ngày này hơn. Thời gian thu hoạch chỉ trên 3 tháng (xuất hiện loại lúa sớm). Phương pháp canh tác cổ truyền dần được thay thế bằng phương pháp cấy luân chuyển gối vụ gồm có lúa sạ, lúa lỡ, lúa sớm). Từ năm 1960, nông dân Vĩnh Long đã bắt đầu làm lúa 2 vụ: mùa nhất và mùa nhì.

Vụ mùa nhất năm 1960-1961, nông dân cấy 93.456 ha, năng suất bình quân 2,520 tấn/ha. Vụ mùa nhì cấy 302 ha, năng suất 1,679 tấn/ha. Vụ mùa năm 1961-1962, diện tích cấy lúa mùa nhì tăng lên 2.090 ha, năng suất 1,799 tấn/ha. Vĩnh Long là một trong 4 tỉnh ở ĐBSCL có diện tích cấy lúa mùa nhì cao nhất (Vĩnh Long, Phong Dinh, Định Tường, Kiến Hoà). Đến năm 1968, diện tích lúa mùa một vụ giảm thay vì đã có 4 loại lúa cấy được quanh năm và từ đó

Bảng 1

Loại lúa	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Tổng thu (tấn)	Thời vụ thu hoạch
Lúa lỡ	30.000	2,00	60.000	Tháng Giêng
Lúa mùa	45.000	2,00	90.000	Tháng Hai
Lúa mùa nhì	2000	4,25	8.500	Tháng Ba
Lúa mùa nhất	2000	4,25	8.500	Trung tuần tháng 10
Cộng	79.000		167.000	

diện tích cấy lúa mùa sớm, lúa lỡ tăng lên nhiều so với những năm 1961-1962 (xem bảng 1).

Đặc biệt là năm 1967, một giống lúa mới được du nhập vào miền Nam, Vĩnh Long đó là giống lúa IR 8, IR 5 (IR- 288-3 và IR 5-97-2) đã được Viện Nghiên cứu lúa gạo IRRI Los Banos ở Philippin lai tạo năm 1965. Giống lúa IR 8 và IR 5 còn gọi là lúa "thần nông" được đem thử nghiệm và trình diễn trong vụ mùa năm 1967 với kết quả khả quan, đạt 6 tấn/ha. Từ đó giống lúa "thần nông" được đưa vào cấy phổ biến ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, nông dân Vĩnh Long lúc đầu còn nghi ngờ không dám cấy đại trà mà chỉ có một ít hộ nông dân cấy thử nghiệm. Qua kết quả của việc cấy thử nghiệm và qua việc tuyên truyền cổ động trình diễn những ưu điểm của giống lúa này của cán bộ khuyến nông, nên từ năm 1970, nông dân Vĩnh Long đã tích cực cấy lúa "thần nông" thay cho lúa mùa. Người có nhiều công sức cho việc truyền bá lúa "thần nông" của huyện Bình Minh là ông Bùi Văn Tước, ngụ ở xã Mỹ Thuận (Bình Minh). Trưởng ngành nông nghiệp huyện Bình Minh (Vĩnh Long). Ông không những tích cực tuyên truyền hướng dẫn nông dân trong vùng mà còn là người sản xuất giỏi nên được các nông gia trong vùng tín nhiệm làm theo. Với thành tích đó nên năm 1969, ông được Tỉnh trưởng Vĩnh Long cấp bằng "Tường lệ" với lý do "dương sự đã tích cực trong công tác cổ động đồng bào trồng lúa "thần nông" và thường xuyên phối hợp với cán bộ trong ngành tổ chức các buổi hội thảo để giúp dân có kinh nghiệm trong canh tác loại lúa mới trên".

Từ đó trở đi, diện tích cấy lúa "thần nông" ở Vĩnh Long ngày một gia tăng, đến năm 1972-1973 lên đến 75.000 ha - 107.500 ha, chiếm 2/3 diện tích canh tác. Vụ mùa 1973-1974 tăng lên 82.000 ha - 107.000 ha. Vĩnh Long là tỉnh có diện tích trồng lúa "thần nông" cao hơn so với các tỉnh khác trong khu vực ĐBSCL. Sở dĩ giống lúa

mới này được nông dân Vĩnh Long và cả miền Nam ưa chuộng vì nó có nhiều ưu điểm: năng suất cao, mau thu hoạch; kể từ gieo mạ đến khi thu hoạch chỉ cần 120-125 ngày, trong khi lúa thường phải mất 140-160 ngày, một năm có thể cấy được 2-3 vụ. Ngoài ra, lúa "thần nông" còn thích hợp với thời tiết quanh năm nên có thể cấy vào bất cứ mùa nào miễn là có đủ nước tưới và vì lúa ngắn cây nên chịu được mưa gió, không đổ rạp khi trĩu bông nặng hạt. Năng suất lúa "thần nông" cao hơn lúa địa phương gấp 1,8 lần...

Với việc trồng lúa "thần nông" - giống lúa cao sản ngắn ngày và cấy được quanh năm nên nông dân Vĩnh Long đã có thể đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích trồng lúa và các loại hoa màu khác như bắp, khoai lang, đậu xanh, đậu nành, đậu phộng, khoai mì (sắn), thơm (dứa gai)... được nông dân Vĩnh Long trồng nhiều nhất và có xu hướng tăng dần. Bảng thống kê sau đây về diện tích gieo trồng và sản lượng của từng loại hoa màu trong các năm 1962, 1965 và 1972 đã chứng tỏ điều đó (xem bảng 2).

Bảng 2.

Loại hoa màu	Diện tích (ha)			Sản lượng (tấn)		
	1962	1965	1972	1962	1965	1972
Bắp	300	480	800	360	365	600
Khoai lang	950	450	750	5700	3180	6070
Đậu xanh	320	240	210	225	240	210
Đậu nành	60	240	170	40	100	180
Đậu phộng	140	150	190	125	120	190
Khoai mì	380	390	400	3800	3900	4000
Thơm	25	30	50	130	180	480

Nguồn: Tổng nha nông nghiệp, niên giám thống kê nông nghiệp.

Các loại hoa màu vừa nêu (trừ dứa) đều là loại lương thực thực phẩm. Nó bổ sung, hỗ trợ cho cây lúa khi thất bát, là nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm. Hơn thế nữa, nó là nguồn nguyên liệu dồi dào, phong phú cung cấp cho công nghệ

chế biến lương thực thực phẩm, làm cho nền kinh tế dần đi vào thế ổn định, đời sống của nông dân ngày một cải thiện.

Ngoài thế mạnh của cây lúa và các loại hoa màu, đất đai ở Vĩnh Long nói riêng, ĐBSCL nói chung lại rất thích hợp với nhiều loại cây ăn trái. Theo thống kê năm 1960-1961, trong cuộc kiểm tra canh nông tại miền Nam thì các tỉnh Định Tường (Mỹ Tho), Vĩnh Long, Vĩnh Bình (Trà Vinh), Phong Dinh (Cần Thơ), An Giang là nơi tập trung các loại trái cây Nam Bộ, với tổng diện tích trồng cây ăn trái ở các tỉnh này lên đến 20.195 ha. Phần lớn được trồng trên những vùng đất phù sa ven sông. Ở các vùng úng thủy, người ta trồng trên liếp. Trong kỹ thuật trồng cây, nông dân đã áp dụng kỹ thuật chiết cành, ghép cây để cây chống cho quả và cho quả to, chất lượng của quả không thua kém chất lượng quả của cây mẹ. Cây chiết cành hoặc ghép chống cho thu hoạch, chỉ trong vòng 2-3 năm, còn gieo trồng bằng hạt thì phải đợi đến 5-6 năm. Nhưng dùng lối chiết cành thì không dễ được nhiều cây con mà chỉ được vài ba nhánh là cùng. Hơn nữa, cành cây chiết không có rễ cái, chỉ có rễ con ăn ngang trên mặt đất, vì thế khi nắng hạn, cây thường bị khô héo mà chết. Muốn có nhiều cây con và chống được khô hạn nhờ có rễ cái ăn sâu xuống đất, thì chỉ có cách ghép cây, mà những cây ghép vẫn giữ được tính chất của cây mẹ ghép. Mặt khác, mỗi cây mẹ có thể ghép được nhiều cây con vì thế cây ghép được nông dân Vĩnh Long và vùng ĐBSCL ưa chuộng hơn cả.

Ngoài những cây ăn trái thông thường nông dân Vĩnh Long trồng nhiều loại đặc sản như xoài, chôm chôm, sầu riêng, cóc, măng cầu, vú sữa..., có giá trị dinh dưỡng cao, không những được người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh ưa chuộng mà còn xuất khẩu. Loại bưởi trồng ở quận Bình Minh được Bộ Canh nông Sài Gòn công nhận là loại bưởi có chất lượng cao, chiếm giải nhất trong cuộc đấu xảo nông sản tổ chức tại Vĩnh Long vào các ngày 9, 10, 11 tháng 7 năm 1966. Người được giải là ông Bùi Văn Tước, một nông gia ở xã Mỹ Thuận, quận Bình Minh.

Từ đó giống bưởi của ông được nông dân trồng nhiều ở xã Mỹ Thuận và các xã ven sông Hậu như: Thành Lợi, Tân Quới (Bình Minh) và trở thành những vùng chuyên canh bưởi. Số tiền lời thu được từ cây ăn trái gấp 2-3 lần thu từ cây lúa.

Tóm lại, có thể nói thời kỳ 1954-1975, nhất là từ năm 1965 trở về sau, ngành trồng trọt ở Vĩnh Long đã có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước đó; phương thức sản xuất cổ truyền được thay thế dần bằng phương thức sản xuất hiện đại; nghề trồng lúa từ quảng canh 1 vụ và phải cấy 2 lần được chuyển sang 2-3 vụ và chỉ cấy 1 lần. Đây là thành tích rất to lớn trong nghề trồng lúa ở Vĩnh Long. Không những thế, vào thời kỳ này hầu hết nông dân Vĩnh Long đều có sử dụng máy nông cụ vào lĩnh vực sản xuất, tiết kiệm thời gian, sức lực, năng suất lại tăng cao. Đặc biệt, nông dân Vĩnh Long cũng như ĐBSCL đã biết

Bảng 3: So sánh diện tích trồng và sản lượng cây ăn trái của Vĩnh Long với một số tỉnh ở ĐBSCL trong các năm 1962, 1965 và 1972.

Tỉnh	Diện tích trồng (ha)			Sản lượng (tấn)		
	1962	1965	1972	1962	1965	1972
Vĩnh Long	4.860	4.970	3.200	30.000	40.150	25.700
Định Tường	9.100	8.550	9.200	64.000	56.890	36.000
Vĩnh Bình	650	380	430	5.200	4.860	5.250
Phong Dinh	1.380	1.790	3.000	8.280	10.500	14.700
An Giang	1.565	1.170	2.000	15.650	13.570	4.660

Nguồn: Sở Thống kê và kinh tế nông nghiệp.

áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại vào lĩnh vực sản xuất, tuyển chọn giống mới cho phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng, thành thạo kỹ thuật ghép, chiết cành thay thế cho việc gieo trồng bằng hạt cổ truyền, áp dụng kỹ thuật mới, thời gian cho hoa kết trái sớm hơn 1/2 thời gian gieo hạt và cho năng suất cao... So với thời kỳ trước, đây là thành tích to lớn trong lĩnh vực nông nghiệp ở Vĩnh Long thời kỳ 1954-1975.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) *Annuaire de la Cochinchine Française pour l'année 1869.*
- (2) *Tuần san phòng thương mại Sài Gòn.* 1958, số 57, tr.6
- (3) *Chấn Hưng kinh tế.* số 380, 6-1964, tr.10
- (4) Bộ Canh nông - *Niên giám thống kê nông nghiệp* 1960, 1962, 1965, 1968, 1970, 1972, 1973.
- (5) Lâm Quang Huyền - *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam.* Nxb KHXH, Hà Nội - 1997.
- (6) Nguyễn Bá Lộc - *Tình hình kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long.* *Chấn Hưng kinh tế* số 850/1973.
- (7) Cao Văn Lượng - *Vài nét về cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội ở nông thôn miền Nam Việt Nam trước ngày giải phóng.* Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử.* số 3-1981.
- (8) Trần Thị Bích Ngọc - *Chú nghĩa thực dân mới và vấn đề sở hữu ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long từ 1954-1975.* Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử.* số 2-1986.
- (9) Võ Văn Sen - *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở miền Nam Việt Nam (1954-1975).* Nxb Tp. Hồ Chí Minh - 1996.
- (10) Toà hành chánh Vĩnh Long - *Tỉnh Vĩnh Long địa phương chí năm 1965, 1969.*
- (11) Trần Anh Tuấn - *Kinh tế xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long qua các tư liệu cũ 1954-1975.* Ban Kinh tế, Viện KHXH tại Tp. Hồ Chí Minh - 1980.